

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các công ty sản xuất, kinh doanh test nhanh, hoá chất phục vụ công tác chuyên môn tại bệnh viện

Để có cơ sở xây dựng kế hoạch mua sắm test nhanh, hoá chất phục vụ công tác chuyên môn tại bệnh viện năm 2024, Bệnh viện đa khoa Tây Ninh đề nghị quý công ty báo giá 25 mặt hàng sau:

STT	Tên hàng hoá	Mô tả đặc tính, tiêu chí kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Quy cách	Số lượng
1	TEST NHANH XÉT NGHIỆM Test chất nghiện/ nước tiểu (MOR+MET+THC+AMP+...)	Panel thử xét nghiệm định tính Amphetamine, Methamphetamine, Morphine và Marijuana (THC) (Panel thử phát hiện AMP/MET/MOP/THC) trong nước tiểu người khi nồng độ và/ hoặc chất chuyển hóa của chúng vượt ngưỡng phát hiện tương ứng 1, MOP: Ngưỡng phát hiện (cut off) 300 ng/ml 2, MET: Ngưỡng phát hiện (cut-off) 1000 ng/ml 3, AMP: Ngưỡng phát hiện (cut-off) 1000ng/ml 4, THC: Ngưỡng phát hiện (cut off) 50 ng/ml Độ nhạy tương quan 100%, Độ đặc hiệu tương quan 100%, Độ chính xác tương quan 100% Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: 100% Không bị gây nhiễu bởi các chất sau tại nồng độ 100 µg/mL::Ampicillin, 4-	test		400
2	Test thử nước tiểu 10 thông số hoặc tương đương	Que thử nước tiểu dùng để định tính và bán định lượng 10 thông số chạy được trên máy CLINITEK STATUS +	test		500
HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC DÙNG CHO MÁY PENTRA XLR, 35 THÔNG SỐ					
3	Dung dịch pha loãng tế bào bạch cầu	Là dung dịch đệm có tính đẳng trương, dùng pha loãng các tế bào bạch cầu (WBC). Giúp phân loại và xác định số lượng các tế bào máu.	thùng	20L	5

STT	Tên hàng hoá	Mô tả đặc tính, tiêu chí kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Quy cách	Số lượng
4	Dung dịch rửa protein	Là dung dịch có tính enzyme giúp làm sạch các vết protein.	binh	1L	3
5	Dung dịch ly giải hồng cầu và giải phóng Hemoglobin	Là dung dịch giúp phân giải lớp màng hồng cầu (RBC) và giải phóng hemoglobin tự do.	binh	0.4L	5
6	Dung dịch ly giải hồng cầu và xác định bạch cầu	Là dung dịch phân giải hồng cầu (RBC), tách được bạch cầu ưa kiềm và phá vỡ màng các loại bạch cầu khác.	binh	1L	7
7	Dung dịch nhuộm bạch cầu ưa kiềm	Là dung dịch phân giải hồng cầu (RBC) và giúp cho việc xác định số lượng bạch cầu	binh	1L	3
8	Dung dịch kiểm chuẩn máy mức trung bình	Là dung dịch kiểm chuẩn cho dòng máy 5 thành phần.	Hộp	2 x 3ml	1
9	Dung dịch kiểm chuẩn máy mức thấp	Là dung dịch kiểm chuẩn cho dòng máy 5 thành phần.	Hộp	2 x 3ml	1
10	Dung dịch kiểm chuẩn máy mức cao	Là dung dịch kiểm chuẩn cho dòng máy 5 thành phần.	Hộp	2 x 3ml	1
HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM HbA1C					
11	Dung dịch rửa giải dùng cho sắc ký lỏng cao áp (Eluent A)	Dung dịch rửa giải Eluent A đi kèm, sử dụng cho cột sắc ký lỏng cao áp trao đổi ion, dùng định lượng HbA1c trên máu toàn phần.	Túi	950ml	2
12	Bộ kit hiệu chỉnh Hemoglobin Glucosylated (Calibrator kit HbA1c)	Dùng hiệu chỉnh các giá trị xét nghiệm HbA1c đo được trên máy sắc ký lỏng cao áp trao đổi ion. Sử dụng tương thích trên thiết bị dùng cho cột sắc ký và hóa chất đi kèm	Hộp	L1: 3 x 0.1ml L2: 3 x 0.1ml	1
13	Bộ kit hiệu chuẩn Hemoglobin Glucosylated (Control kit HbA1c)	Dùng hiệu chuẩn xét nghiệm HbA1c dùng trên máy sắc ký lỏng cao áp trao đổi ion. Sử dụng tương thích trên thiết bị dùng cho cột sắc ký và hóa chất đi kèm	Hộp	L1: 3 x 0.1ml L2: 3 x 0.1ml	1
HÓA CHẤT SINH HÓA					
14	Hóa chất xét nghiệm định lượng GLUCOSE	Đo nồng độ Glucose trong huyết tương và huyết thanh, nước tiểu, mẫu ly giải và dịch não tủy. Giới hạn phát hiện: 1 – 45 mmol/L hoặc tốt hơn; Phương pháp: Enzymatic (hexokinase method) Sau khi mở, ổn định ≥ 30 ngày trên máy. Tiêu chuẩn: ISO/FDA/CE. Số test tối thiểu cho 1 mL: ≥ 12 Test	ml		600

STT	Tên hàng hoá	Mô tả đặc tính, tiêu chí kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Quy cách	Số lượng
15	Hóa chất xét nghiệm định lượng UREA/BUN-UV	Đo nồng độ urea trong huyết thanh hoặc huyết tương hoặc nước tiểu. Giới hạn phát hiện: Huyết thanh, huyết tương: 5–300 mg/dL, Nước tiểu: 60–4000 mg/dL (hoặc tốt hơn) Phương pháp: GLDH, Kinetic Sau khi mở, ổn định ≥ 30 ngày trên máy. Tiêu chuẩn: ISO/FDA/CE. Số test tối thiểu cho 1 mL: ≥ 12 Test	ml		800
16	Hóa chất xét nghiệm định lượng CREATININ	Đo nồng độ Creatinine trong huyết tương, huyết thanh hoặc nước tiểu. Giới hạn phát hiện: huyết thanh/huyết tương: 20 – 2000 $\mu\text{mol/L}$; Nước tiểu: 100 – 35000 $\mu\text{mol/L}$ hoặc tốt hơn Phương pháp: Jaffé method Sau khi mở, ổn định ≥ 7 ngày trên máy. Tiêu chuẩn: ISO/FDA/CE. Số test tối thiểu cho 1 mL: ≥ 8 Test	ml		850
17	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST/GOT/ASPARTATE AMINOTRANSFERASE	Đo nồng độ AST trong huyết tương và huyết thanh người. Giới hạn phát hiện: 5 – 1000 U/L hoặc tốt hơn Phương pháp: Dựa trên khuyến cáo của IFCC Sau khi mở, ổn định ≥ 30 ngày trên máy. Tiêu chuẩn: ISO/CE. Số test tối thiểu cho 1 mL: ≥ 10 Test	ml		500
18	Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT/GPT /ALANINE AMINOTRANSFERASE	Đo nồng độ ALT trong huyết tương hay huyết thanh người. Giới hạn phát hiện: 5 – 500 U/L hoặc tốt hơn. Phương pháp: Dựa trên khuyến cáo của IFCC Sau khi mở, ổn định ≥ 30 ngày trên máy. Tiêu chuẩn: ISO/CE. Số test tối thiểu cho 1 mL: ≥ 10 Test	ml		750
19	Dung dịch tẩy/Cleaning Solution	Dung dịch tẩy/Cleaning Solution. Sử dụng tương thích trên máy AU 680	ml		450

STT	Tên hàng hoá	Mô tả đặc tính, tiêu chí kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Quy cách	Số lượng
20	Dung dịch rửa/WASH SOLUTION	Dung dịch rửa/WASH SOLUTION. Sử dụng tương thích trên máy AU 680.	ml		5000
23	Calibrator cho các xét nghiệm thường quy	Huyết thanh hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hoá thường quy; Thành phần: Huyết thanh người, các enzym từ người, động vật và thực vật: Alkaline Phosphatase, ALT, AST, Amylase, Cholinesterase, CK-NAC, GGT, HBDH, LDH, Albumin, Creatinine, Cholesterol, Glucose, Lactate, Lipase, Total Protein, Triglyceride, UIBC, Urea, Uric Acid, Bilirubin, Inorganic Phosphorous, Calcium, Iron, Magnesium. Sau khi mở, ổn định trong ≥ 1 tháng ở -20 độ C	ml		15
24	QC cho các xét nghiệm thường quy, mức 1	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1; Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô chứa hóa chất phụ gia và các enzyme thích hợp có nguồn gốc con người và động vật: Bilirubin-Total và Direct, Cholinesterase, ALP, ALT, Amylase, AST, CK-NAC, GGT, GLDH, HBDH, LDH, Lipase, Inorganic Phosphorus, Triglyceride, Albumin, Calcium, Chloride, Cholesterol, Creatinine, Glucose, Iron, Lactate, Lithium, Magnesium, Potassium, Sodium, Total Protein,; UIBC, Urea & Uric Acid, IgA, IgG, IgM, APO A1.	ml		15

STT	Tên hàng hoá	Mô tả đặc tính, tiêu chí kỹ thuật hoặc tương đương	ĐVT	Quy cách	Số lượng
25	QC cho các xét nghiệm thường quy, mức 2	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2; Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô chứa hóa chất phụ gia và các enzyme thích hợp có nguồn gốc con người và động vật: Bilirubin-Total và Direct, Cholinesterase, ALP, ALT, Amylase, AST, CK-NAC, GGT, GLDH, HBDH, LDH, Lipase, Inorganic Phosphorus, Triglyceride, Albumin, Calcium, Chloride, Cholesterol, Creatinine, Glucose, Iron, Lactate, Lithium, Magnesium, Potassium, Sodium, Total Protein,; UIBC, Urea & Uric Acid, IgA, IgG, IgM, APO A1.	ml		15
	Cộng: 25 khoản				

Báo giá bao gồm thông tin: Tên hàng hóa mời báo giá; tên hàng hoá đơn vị cung cấp báo giá; mô tả kỹ thuật; mã hiệu/ mã code; quy cách đóng gói; hạn dùng; số giấy phép lưu hành; hãng sản xuất; nước sản xuất; đơn vị tính; giá kê khai được công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ Y tế quy định tại Điều 45 Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 Về quản lý trang thiết bị y tế; đơn giá báo giá đã bao gồm thuế, phí các loại, chi phí vận chuyển đến Bệnh viện đa khoa Tây Ninh

Kính đề nghị nhà cung cấp gửi báo giá về Bệnh viện đa khoa Tây Ninh, theo địa chỉ: Phòng Vật Tư Thiết Bị Y Tế - Bệnh viện đa khoa Tây Ninh, số 626 đường 30/4, khu phố 5, phường 3, TP. Tây Ninh. ✓

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BMT BVĐK Tây Ninh;
- Đăng website BVĐK Tây Ninh;
- Lưu HC, VT-TBYT.


GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN
BS. CKII. Trang Anh Dũng

